


Chương 7

Thương mại quốc tế và phát triển



Khái niệm thương mại

- Theo nghĩa rộng, thương mại là toàn bộ hoạt động kinh doanh trên thị trường. TM đồng nghĩa với kinh doanh: các hoạt động kinh tế nhằm mục tiêu sinh lợi của các chủ thể kinh doanh trên thị trường
- Theo nghĩa hẹp: TM là quá trình mua bán hàng hoá và dịch vụ trên thị trường (phân phối và lưu thông hàng hoá, dịch vụ)
- Thị trường là điều kiện cần và đủ để hoạt động thương mại

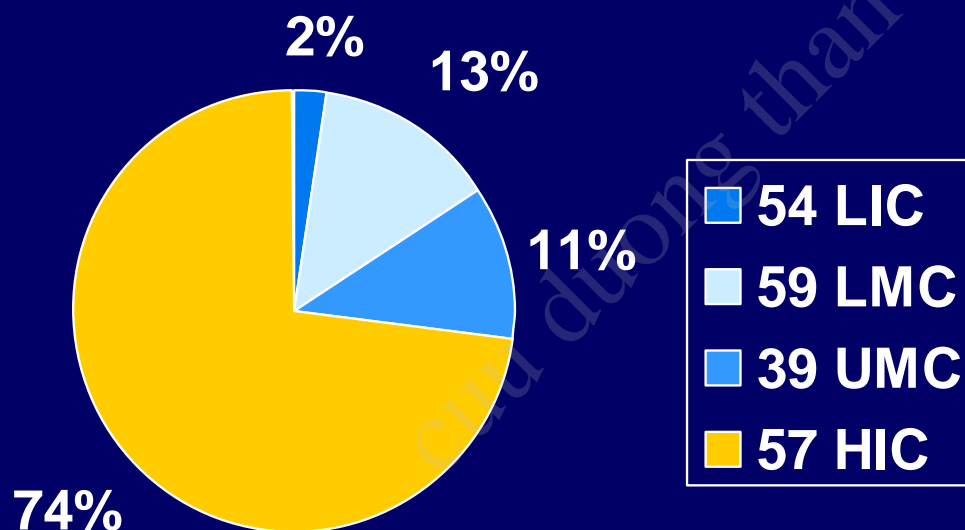


Vai trò của thương mại đối với phát triển

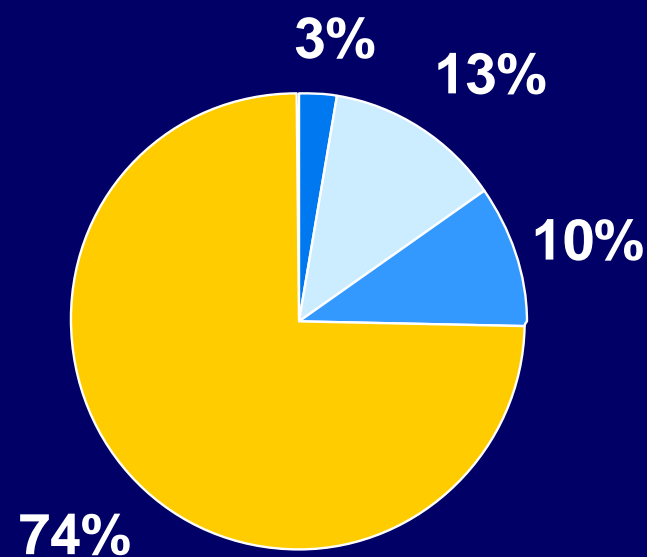
- ❑ Là điều kiện để thúc đẩy sản xuất hàng hoá phát triển
- ❑ Là mắt xích quan trọng của quá trình tái sản xuất xã hội: sản xuất – phân phối – trao đổi (lưu thông) – tiêu dùng – sản xuất
- ❑ Cung cấp thông tin hai chiều giữa người sản xuất và người tiêu dùng
- ❑ Thúc đẩy quá trình chuyên môn hoá sản xuất, tăng tính kinh tế theo quy mô, thúc đẩy cạnh tranh
- ❑ Tăng cơ hội lựa chọn hàng hoá cho người tiêu dùng
- ❑ Tăng khả năng tiêu dùng

Quy mô thương mại quốc tế

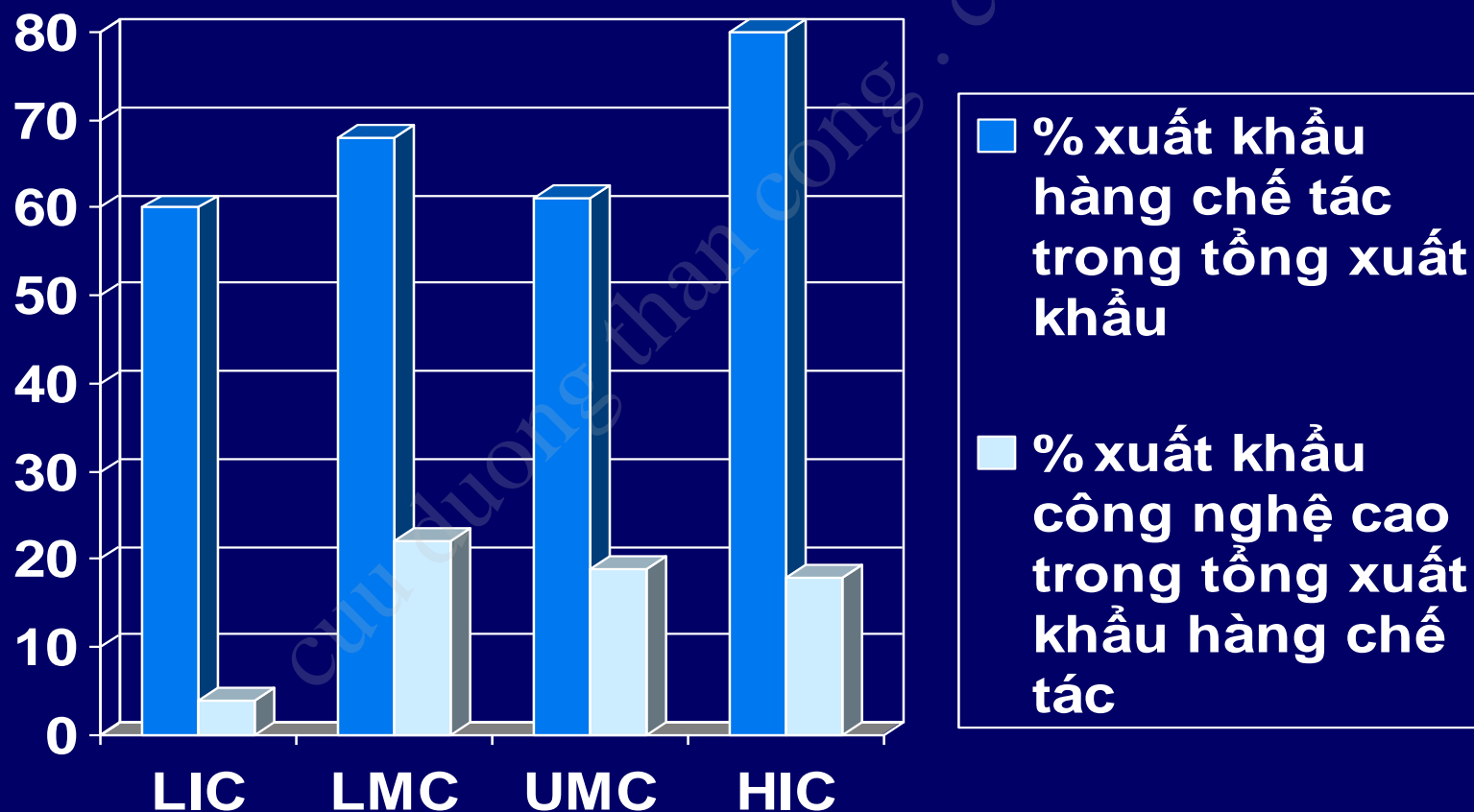
Xuất khẩu



Nhập khẩu



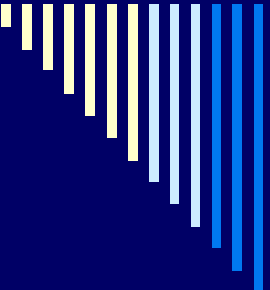
Tỉ trọng xuất khẩu hàng chế tác trong tổng xuất khẩu hàng hoá





Các lý thuyết ủng hộ thương mại quốc tế

- Lý thuyết lợi thế tuyệt đối của A. Smith
- Lý thuyết lợi thế tương đối của D. Ricardo
- Lý thuyết dư thừa nhân tố H-O của E. Heckshe & B. Ohlin



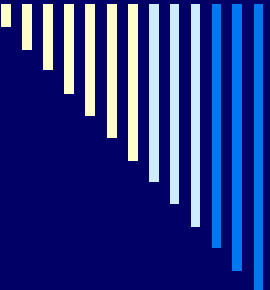
Hạn chế của các lý thuyết thương mại cổ điển

- Thương mại hoàn toàn tự do
- Nhu cầu hay thị hiếu không đổi giữa các quốc gia và theo thời gian
- Chi phí sản xuất không đổi trên mỗi đơn vị sản phẩm
 - Tỷ lệ lao động/vốn là cố định
 - Lao động thuần nhất
 - Không có hiện tượng hiệu suất cận biên giảm dần



Hạn chế của các lý thuyết thương mại cổ điển (tt)

- ❑ Không tính đến các chi phí vận chuyển, quảng cáo, ...
- ❑ Không có sự thay đổi công nghệ
- ❑ Nguồn lực trong nước là cố định cả về số lượng và chất lượng, không có sự di chuyển các nhân tố sản xuất giữa các nước
- ❑ Các nhân tố sản xuất hoàn toàn cơ động, luôn có thể điều chỉnh cơ cấu kinh tế
- ❑ Cạnh tranh hoàn hảo



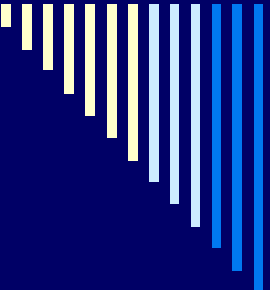
Vai trò của thương mại quốc tế đối với phát triển

□ Kích thích tăng trưởng kinh tế

- Mở rộng giới hạn khả năng sản xuất, khả năng tiêu dùng, tăng sản lượng chung của thế giới
- Giúp các nước tiếp cận các nguồn lực khan hiếm
- Tiếp cận thị trường rộng lớn của thế giới
- Tăng thêm lợi ích theo quy mô
- Tăng khả năng sản xuất

□ Thúc đẩy phân phối lợi nhuận công bằng

- Làm tăng thu nhập thực tế do việc sử dụng hiệu quả hơn các nguồn lực
- Tăng tiền lương tương đối ở những nước dư thừa lao động
- Giảm tiền lương tương đối ở những nước khan hiếm lao động



Vai trò của thương mại quốc tế đối với phát triển (tt)

- ❑ Thúc đẩy các khu vực, các ngành sản xuất hiệu quả trong nền kinh tế
- ❑ Tối đa hoá lợi ích của các quốc gia
- ❑ Kích thích sự phát triển của lực lượng sản xuất thông qua cạnh tranh
- ❑ Làm tăng nguồn vốn trong nước nhờ đẩy nhanh quá trình tích lũy
- ❑ Thúc đẩy phát triển công nghệ
- ❑ Tạo ra công ăn việc làm, thông qua
 - Việc làm trong ngành thương mại
 - Hiệu ứng lan toả



Hạn chế của thương mại quốc tế

- ❑ Một tỉ lệ lớn thu nhập từ xuất khẩu thuộc về người nước ngoài
- ❑ Lợi ích của thương mại quốc tế được chia nhiều hơn cho nước giàu; người giàu
- ❑ Các nước đang phát triển cần phải dành được những ưu đãi thương mại, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn khan hiếm thì mới đạt được mục tiêu phát triển từ thương mại quốc tế
- ❑ Các nước đang phát triển bị động trong việc quyết định khối lượng và giá cả trong buôn bán quốc tế



Cán cân thanh toán quốc tế

□ Tài khoản vãng lai

- Chi: nhập khẩu, du lịch ra nước ngoài, chuyển thu nhập của đầu tư nước ngoài, trả lãi nợ nước ngoài, các khoản chuyển tiền ra của người nước ngoài
- Thu: xuất khẩu, du lịch nước ngoài đến, thu nhập từ đầu tư ra nước ngoài, tiền chuyển về của kiều dân, các khoản trợ giúp của nước ngoài

□ Tài khoản vốn

- Chi: đầu tư ra nước ngoài, trả gốc nợ nước ngoài dài hạn, các khoản cho vay dài hạn, vốn của dân cư chảy ra nước ngoài
- Thu: đầu tư trực tiếp của nước ngoài, vay dài hạn, viện trợ không hoàn lại

□ Điều chỉnh

□ Kết toán chính thức



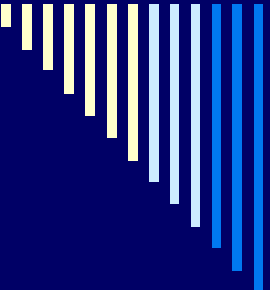
Khủng hoảng nợ nước ngoài



Các chính sách thương mại

□ Xuất khẩu hàng sơ chế

- Sử dụng có hiệu quả hơn các yếu tố sẵn có
- Tạo ra các yếu tố phát triển theo chiều rộng: thu hút ĐTNN, mở rộng thị trường, việc làm
- Tác động của các mối liên hệ trong chuỗi sản phẩm
- Hiệu ứng thu nhập
- Tác động kinh tế ngoại ứng
- Tăng thu thuế



Hạn chế của chuyên môn hoá xuất khẩu hàng sơ chế

- ❑ Chuyên môn hoá vào sản xuất hàng sơ chế trong tình trạng công nghệ thay đổi nhanh chóng là rủi ro và bấp bênh
- ❑ Điều kiện thương mại bất lợi
- ❑ Thiên về sản xuất nguyên liệu, sản phẩm thô tạo ra nền kinh tế có cấu trúc nặng nề, khó chuyển hoá cơ cấu hướng tới nền kinh tế đa dạng và có khả năng tự chủ
- ❑ Nhu cầu về hàng xuất khẩu ngày càng giảm và tỉ giá hối đoái bất lợi gây ra tình trạng thâm hụt cán cân thương mại kinh niên → thâm hụt cán cân thanh toán + nợ nước ngoài
- ❑ Cạnh tranh bất lợi so với các nước phát triển
- ❑ Giá hàng xuất khẩu dễ biến động lớn → biến động lớn trong thu nhập từ xuất khẩu



Thương mại không trở thành động lực cho phát triển

- ❑ Trường hợp Ghana
- ❑ Bệnh Hà Lan



Trường hợp Ghana

Năm	1957	1978	1983
GNI/người (USD)	500	400	310

- ❑ Xuất khẩu độc canh: cacao, chiếm 60% tổng thu nhập từ xuất khẩu, 20% GDP
- ❑ Những năm 60, Ghana mở rộng xuất khẩu cacao để nhập khẩu hàng công nghiệp, chuyển sang chiến lược đầu tư vào các ngành công nghiệp thay thế nhập khẩu
- ❑ Giá cacao giảm → xuất khẩu giảm → dự trữ ngoại hối giảm → nợ nước ngoài → Suy thoái kinh tế



Căn bệnh Hà Lan

- ❑ Trước những năm 70, Hà Lan có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao (6%), lạm phát thấp (dưới 3%), thất nghiệp thấp (1%), nhờ: xuất khẩu mở rộng, trong đó sản phẩm nông nghiệp chiếm 30% tổng kim ngạch xuất khẩu
- ❑ 1973-1978: tập trung vào xuất khẩu khí đốt
 - Tăng cung ngoại tệ → tỉ giá hối đoái tăng
 - Thu nhập tăng → cầu của các mặt hàng phi TM tăng → giá tăng
 - Sức cạnh tranh của các SP xuất khẩu truyền thống giảm
 - Lạm phát tăng (10% năm 1975), thất nghiệp tăng
 - Tăng trưởng GDP giảm còn 1-2% vào cuối những năm 70